

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 716/2024/HS-ST

Ngày: 30 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Phan Anh Dũng

2/Bà Vương Thị Khánh Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư, cán bộ TAND thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện VKS nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 đến ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 714/2024/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 720/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

1. Nông Thị M - Giới tính: Nữ; Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: tổ s, khu phố L, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: T, sinh năm: 1957 (Đã chết); Họ tên mẹ: T, sinh năm: 1959 (Đã chết); Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Họ tên chồng: M, sinh năm 1987. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. M - Giới tính: Nam; Sinh năm 1987

Nơi cư trú:

- Đăng ký thường trú: 101, tổ 4, khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Nơi ở: Tổ 16, L, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Võ Công Sơn, sinh năm: 1959 (Còn sống);

Họ tên mẹ: N, sinh năm: 1964 (Còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Họ tên vợ: M – sinh năm 1984. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23-02-2006 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. M chấp hành xong bản án ngày 01-10-2006.

- Ngày 28-6-2012 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. M chấp hành xong bản án ngày 06-02-2013.

Bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 25-8-2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

3. T - Giới tính: Nam; Sinh năm 1993.

Nơi cư trú: tổ s, khu phố L, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ tên cha: T – Sinh năm: 1966 (Còn sống); Họ tên mẹ: S, sinh năm: 1967 (Còn sống); Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 25-8-2024 đến ngày 04-9-2024. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. D - Giới tính: Nam; Sinh năm 1989.

Nơi cư trú: 40, khu phố b, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: M, sinh năm: 1960 (Còn sống); Họ tên mẹ: H, sinh năm: 1959 (Còn sống); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ sáu và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 25-8-2024 đến ngày 04-9-2024.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. D - Giới tính: Nam; Sinh năm 1984.

Nơi cư trú:

- Đăng ký thường trú: 11A, tổ t, ấp b, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi ở: tổ s, khu phố L, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: D, sinh năm: 1963 (Còn sống); Họ tên mẹ: D, sinh năm: 1965 (Còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo D là con thứ hai; Họ tên vợ: C, sinh năm 1983 (Đã ly hôn năm 2016), có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21-6-2006, bị Tòa án nhân dân huyện C - thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

D chấp hành xong Bản án ngày 22-6-2010.

Bị bắt quả tang tạm giữ ngày 25-8-2024, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

6. T - Giới tính: Nam; Sinh năm 1978

Nơi cư trú: Tổ s, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc : Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Họ tên cha: N, sinh năm: 1947 (Còn sống); Họ tên mẹ: H, sinh năm: 1950 (Đã chết); Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo T là con

thứ tư; Họ tên vợ: T, sinh năm 1982, có 02 người con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 25-8-2024 đến ngày 04-9-2024. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

M và M là vợ chồng ngụ tại căn nhà không số tổ s, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 25-8-2024, sau khi ăn uống tại nhà của vợ chồng M và M (địa chỉ nêu trên) thì T rủ T, D, D đánh bài thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài “Phỏm” thì cả nhóm đồng ý tham gia. Cả nhóm xin vợ chồng Minh và Mai đánh bạc tại phòng khách nhà Minh và Mai thì cả hai đều đồng ý.

Minh và Mai quy định thu xâu mỗi ván “Ù” là 50.000 đồng. Mai lấy 01 bộ bài tây 52 lá và 01 bàn nhựa màu đỏ, kích thước 40cm x 60cm x 50cm, 04 ghế nhựa màu đỏ (loại có tay vịn, lưng tựa) đưa cho T, D, D, T ngồi tại phòng khách để chơi đánh bạc.

Cách thức đánh bạc như sau:

Bộ bài tây có 52 (năm mươi hai) lá chia cho 04 người, mỗi người 09 lá bài, người chia bài là người đánh đầu tiên được chia 10 lá. Số bài còn lại đặt ở giữa gọi là bài tẩy. Phỏm được tính là có ít nhất 03 lá bài cùng một nước liên tiếp nhau (ví dụ như 3 rô, 4 rô, 5 rô) hoặc 03 lá bài có số cùng giống nhau nhưng khác nhau về nước bài (ví dụ như 10 rô, 10 cơ, 10 bích). Trong ván bài nếu người nào có được 03 phỏm thì gọi là ù. Bắt đầu đánh thì người chia bài là người sẽ đánh lá bài đầu tiên, người kế bên sẽ kiểm tra lá bài đó với 09 lá bài của mình đang cầm trên tay có tạo thành 01 phỏm không. Nếu có phỏm thì lấy lá bài đó, rồi đánh tiếp 01 lá bài khác cho người kế tiếp. Nếu không có phỏm thì phải lấy 01 lá bài tẩy, rồi đánh 01 lá bài xuống cho người tiếp theo. Cứ tuần tự như vậy cho đến khi có người ù hoặc hết bài tẩy là kết thúc 01 ván bài. Cách xác định thắng, thua là dựa vào tổng số điểm tính trên các lá bài còn lại của mỗi người. Điểm của mỗi lá bài tương đương con số in trên lá bài đó. Riêng lá bài A là 01 điểm, lá bài J là 11 điểm, lá bài Q là 12 điểm, lá bài K là 13 điểm. Nếu trong 01 ván bài, người nào ù thì sẽ thắng 03 người còn lại mỗi người là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Nếu không có người ù thì khi kết thúc ván bài, người nào có tổng số điểm ít nhất sẽ thắng như sau: Người nhiều điểm nhất 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), người nhiều điểm thứ hai 100.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và người nhiều điểm thứ ba 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Như vậy, trong một ván bài người thắng sẽ thắng với số tiền ít nhất là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và nhiều nhất là khoảng hơn 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, trong khi đánh, người nào đánh lá bài xuống mà để người kế tiếp ăn lá bài đó thành phỏm thì người đó phải thua 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), còn nếu để ăn phỏm cuối cùng ngay trước khi hết bài tẩy thì phải thua 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Nếu người nào thắng

“Ù” thì phải đưa xâu cho M và M số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng).

Số tiền từng người sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

- D mang theo và sử dụng số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, D thắng 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), thu giữ 26.100.000đ (Hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- T mang theo và sử dụng số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thua 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), thu giữ 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

- D mang theo và sử dụng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, D thắng 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), thu giữ 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- T mang theo và sử dụng số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T không thắng không thua, thu giữ 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- M, M chưa thu được xâu do chưa ai “Ù”.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi D, T, D, T đang đánh bạc với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 29.800.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) thì bị Công an phường P phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra M, M, D, T, D, T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 bộ bài tây 52 lá, 01 bàn nhựa màu đỏ kích thước 40cm x 60cm x 50cm, 04 ghế nhựa màu đỏ dùng vào việc đánh bạc.

- Số tiền 29.800.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) của các bị can để trên chiếu bạc dùng đánh bạc.

* Các tài sản, đồ vật không liên quan đến hành vi đánh bạc, Cơ quan điều tra đã lại cho các chủ sở hữu gồm:

- 01 xe mô tô biển số 60B8-965.22 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng số Imei 35204888079763 cho D.

- 01 xe mô tô biển số 60B9-834.49 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A98 màu xanh số Imei 863648066255854 cho T.

- 01 xe mô tô biển số 19K1-262.51 và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đen số Imei 867372078932733 cho T.

- 01 xe mô tô biển số 59Y3-742.87 cho D.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng số Imei 359156075476538 cho M.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận như Cáo trạng mô tả.

Tại phiên tòa, bị cáo các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 688/CT-VKSBH ngày 26/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo M, M về tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

- T, D, D, T về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như trên và

đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo M từ 01(một) năm đến 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

-Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo M mức án từ 09(chín) đến 12(mười hai) tháng tù.

-Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T mức án từ 10 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo bổ sung số tiền từ 15.000.000đ-20.000.000đ

-Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo D mức án từ 05(năm) đến 07(bảy) tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

-Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T mức án từ 06(sáu) đến 08(tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Phạt bị cáo bổ sung số tiền từ 15.000.000đ-20.000.000đ

Về xử lý vật chứng:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 bàn nhựa màu đỏ kích thước 40cm x 60cm x 50cm, 04 ghế nhựa màu đỏ dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm: Số tiền 29.800.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) của các bị cáo để trên chiếu bạc dùng đánh bạc.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những

người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay là thống nhất, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Từ khoảng 12 giờ 50 phút đến 13 giờ 30 phút ngày 25-8-2024, M, M (là vợ chồng) đã sử dụng căn nhà không số tổ 16, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và cung cấp bài, bàn, ghế để cho D, T, D, T đánh bạc bằng hình thức đánh bài “Phỏm” thắng thua bằng tiền với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 29.800.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

- M và M là người thực hiện hành vi gá bạc.

- T là người rủ rê và thực hiện hành vi đánh bạc.

- D, D, T là người thực hiện hành vi đánh bạc.

Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo M, M về tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

T, D, D, T về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo M, M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo T, D, D, T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng căn cứ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo M, T, D, T có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này hai bị cáo M và M có hành vi Gá bạc. Dùng nơi ở của mình làm địa điểm đánh bạc, cung cấp bài, bàn, ghế cho các đối tượng đánh bạc để nhằm mục đích thu tiền xấu. Hành vi của hai bị cáo là ngang nhau. Cần thiết phải áp dụng một mức án trên mức khởi điểm của khung hình phạt để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên hai bị cáo là quan hệ vợ chồng, có hoàn cảnh khó khăn, có ba con nhỏ nên xét thấy không áp dụng hình phạt tù giam với bị cáo Mai mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Đối với các bị cáo T, D, T tham gia đánh bạc với tổng số tiền 29.800.000đ. Bị cáo D sử dụng số tiền nhiều nhất là 26.000.000đ, giữ vai trò thứ nhất nên phải

chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

Bị cáo T chỉ sử dụng số tiền 2.100.000đ, bị cáo T sử dụng số tiền 700.000đ để tham gia đánh bạc. Vai trò sau bị cáo Dũng nên chịu mức án thấp hơn bị cáo Dũng.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và áp dụng hình phạt bổ sung cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo D sử dụng số tiền 1.000.000đ. Bị cáo đã bị tạm giam 4 tháng 05 ngày tù. Xét thấy áp dụng hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam và áp dụng hình phạt bổ sung cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã lại cho các chủ sở hữu gồm:

- 01 xe mô tô biển số 60B8-965.22 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng số Imei 35204888079763 cho D.
- 01 xe mô tô biển số 60B9-834.49 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A98 màu xanh số Imei 863648066255854 cho T.
- 01 xe mô tô biển số 19K1-262.51 và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu đen số Imei 867372078932733 cho T.
- 01 xe mô tô biển số 59Y3-742.87 cho D.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng số Imei 359156075476538 cho M.

Các tài sản trên, cơ quan điều tra đã lại cho các chủ sở là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 bàn nhựa màu đỏ kích thước 40cm x 60cm x 50cm, 04 ghế nhựa màu đỏ dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm: Số tiền 29.800.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) của các bị cáo để trên chiếu bạc dùng đánh bạc.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo M, M phạm tội “Gá bạc”.

Các bị cáo T, D, D, T phạm tội “Đánh bạc”.

-Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo M 01(một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02(hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

-Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo M 10(mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2024.

-Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo D 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03(ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 25.000.000đ.

-Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản , khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo D 04 (Bốn) tháng 05(năm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2024.

Áp dụng khoản 5 điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo D ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

-Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T 10(mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20(hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 20.000.000đ.

Xử phạt bị cáo T 06(sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12(mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 15.000.000đ.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 bàn nhựa màu đỏ kích thước 40cm x 60cm x 50cm, 04 ghế nhựa màu đỏ dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm: Số tiền 29.800.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) của các bị can để trên chiếu bạc dùng đánh bạc.

(Tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B và biên lai thu số 0002794 ngày 04/12/2024).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B;
- Nhà tạm giữ CATPBH;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)